

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ
tại Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn năm 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số
155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy
định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì
hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân,
đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức
chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;
Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 58/2016/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số
15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc
đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng*

hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 504/TTr-TTYT ngày 11/8/2023; Tờ trình số 594/TTr-TTYT ngày 18/9/2023; kèm Báo cáo thẩm định số 4349/BC-SYT ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn năm 2023 - 2024 và các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn năm 2023 - 2024.
2. Giá gói thầu: 4.211.110.218 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm mười một triệu, một trăm mười ngàn, hai trăm mười tám đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{NVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục

DANH MỤC GÓI THẦU MUA VẮC XIN DỊCH VỤ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN NĂM 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
1	Vi rút Rota sống, giảm độc lực, typ G1P8	Nhóm 4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch, uống	Lọ	1.518	339.780	515.786.040
2	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503- 3M)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml dung dịch hoàn nguyên chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	500	241.595	120.797.500
3	Biên độc tổ bạch hầu; Biên độc tổ uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của phé cầu khuẩn týp B cộng hợp với giải độc tố uốn ván	Nhóm 1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	1.170	864.000	1.010.880.000
4	Vi rút sởi, vi rút quai bị, vi rút rubella sống, giảm độc lực	Nhóm 5	≥ 1.000 CCID ₅₀ ; ≥ 5.000 CCID ₅₀ ; ≥ 1.000 CCID ₅₀	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	1.435	137.550	197.384.250
5	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Nhóm 1	1mcg 3mcg	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	841	829.900	697.945.900
6	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6; protein L1	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6:	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	176	1.509.600	265.689.600

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
	HPV11; protein L1 HPV16 và protein L1 HPV18		20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg					
7	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	Nhóm 2	≥ 1.400 PFU	Thuốc tiêm đông khô, tiêm	Lọ	562	501.000	281.562.000
8	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg độ tinh khiết $\geq 95\%$	Nhóm 5	Mỗi liều 1ml chứa 20mcg	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	605	66.780	40.401.900
9	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg độ tinh khiết $\geq 95\%$	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa 10mcg	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	480	45.780	21.974.400
10	Protein bao gồm kháng nguyên Vi rút viêm gan A tinh khiết	Nhóm 4	< 100 mcg/0,5ml	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	755	95.400	72.027.000
11	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Nhóm 5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	734	175.392	128.737.728
12	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	Nhóm 2	Mỗi liều đơn vắc xin (0,5ml) chứa: Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 A/Guangdong - Maonan/SWL1536/2019 CNIC-1909 (H1N1)- 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 A/Hong Kong/2671/2019 IVR-208 (H3N2) - 15mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Washington/02/2019 - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Phuket/3073/2013 - 15mcg	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm, tiêm	Bơm tiêm	707	239.925	169.626.975
13	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết	Nhóm 4	Virus Viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết - chủng Nakayama.	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	1.440	49.815	71.733.600

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá dự kiến (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)
			Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia					
14	Dung dịch Polysaccharide polysyrbitol phosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván	Nhóm 5	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polysyrbitol phosphate (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8-31,25mcg) giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	417	178.080	74.259.360
15	Globulin kháng độc tố uốn ván	Nhóm 4	1500 IU/1ml	Thuốc tiêm, tiêm	Ống	1.680	29.043	48.792.240
16	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	20mcg/1ml	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	1.705	65.940	112.427.700
17	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	10mcg/0,5ml	Thuốc tiêm, tiêm	Lọ	645	45.045	29.054.025
18	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1) pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR - 197); B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type); B/Phuket/3073/2013 -like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Nhóm 1	15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin; 15mcg haemagglutinin /0,5ml	Thuốc tiêm, tiêm	Bơm tiêm	1.400	251.450	352.030.000
Tổng: 18 phần (18 mặt hàng)		Tổng giá trị: 4.211.110.218 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm mười một triệu, một trăm mười ngàn, hai trăm mười tám đồng)						